

Phần 1: Trắc nghiệm (3 điểm)

Câu 1. Chọn phát biểu đúng.

- A. $-5 > -6$ B. $-1 < -2$ C. $0 < -1$ D. $-1 > 1$

Câu 2. Chọn phát biểu sai.

- A. $-5 \in \mathbb{Z}$ B. $-5 \in \mathbb{N}$ C. $0 \in \mathbb{N}$ D. $+8 \in \mathbb{Z}$

Câu 3. Chọn phát biểu đúng.

- A. $-5 \in \mathbb{N}$ B. $+5 \notin \mathbb{N}$ C. $0 \in \mathbb{Z}$ D. $5 \notin \mathbb{Z}$

Câu 4. Tập hợp các số nguyên gồm:

- A. các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương. C. các số nguyên âm và các số nguyên dương.
B. số 0 và các số nguyên âm. D. số 0 và các số nguyên dương.

Câu 5. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào sai?

- A. $8 > -1$ B. $-5 < -4$ C. $-2 < 0$ D. $-11 > -10$

Câu 6. Hình nào dưới đây có hai đường chéo không bằng nhau?

- A. Hình thang cân B. Hình thoi C. Hình vuông D. Hình chữ nhật

Câu 7. Cho các số sau: 12; 13; 14; 15. Số nào là bội của 5?

- A. 12 B. 13 C. 14 D. 15

Câu 8. Ư(6) là:

- A. {1; 6} B. {1; 2; 6} C. {1; 3; 6} D. {1; 2; 3; 6}

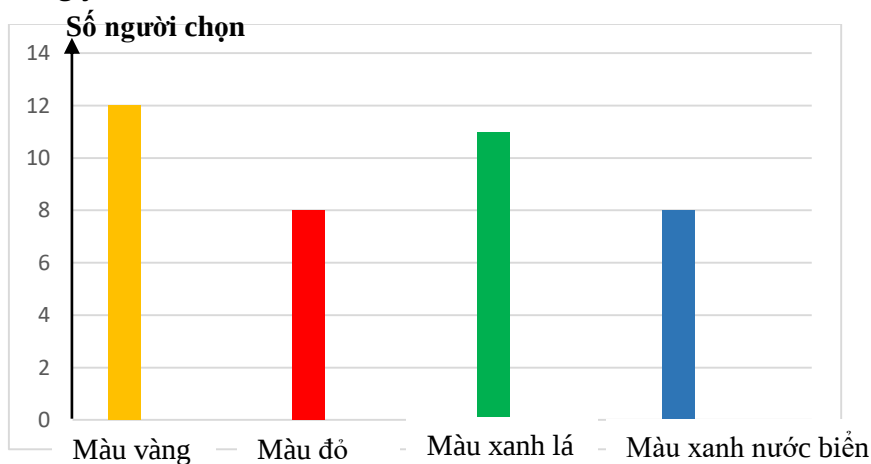
Câu 9. BCNN (20; 25) là:

- A. 500 B. 10 C. 100 D. 50

Câu 10. Số đối của số 9 là:

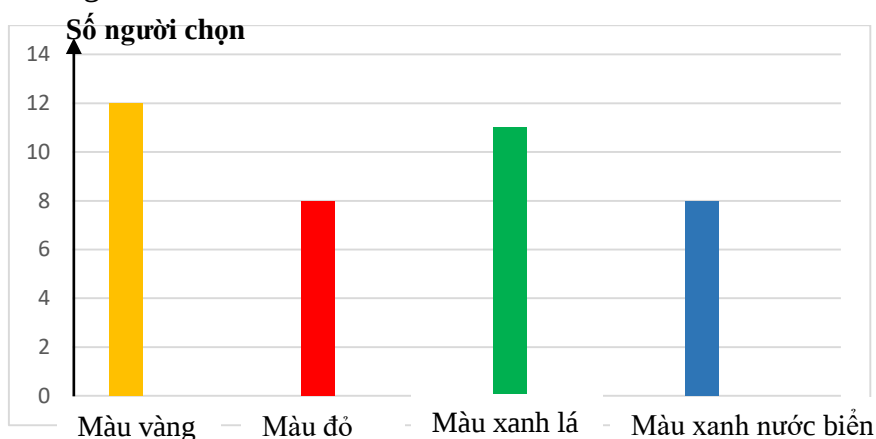
- A. 9 B. -9 C. 0 D. ± 9

Câu 11. Trong một cuộc khảo sát màu sắc yêu thích từ khách hàng, mỗi khách hàng đã lựa chọn ra một màu sắc mà mình yêu thích nhất. Quan sát biểu đồ dưới đây cho biết màu sắc nào được khách hàng yêu thích nhất?



- A. Màu vàng B. Màu xanh nước biển C. Màu xanh lá cây D. Màu đỏ

Câu 12. Trong một cuộc khảo sát màu sắc yêu thích từ khách hàng, mỗi khách hàng đã lựa chọn ra một màu sắc mà mình yêu thích nhất. Quan sát biểu đồ dưới đây cho biết có bao nhiêu khách hàng tham gia khảo sát?



A. 39

B. 40

C. 41

D. 42

Phần 2: Tự luận (7 điểm)

Bài 1: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính.

a) $288:16 + 14.15$

b) $367 - 7[111 - (2^3 + 2)^2]$

Bài 2: (1,5 điểm) Tìm x, biết.

a) $x + 35 = 45$

b) $15(x - 16) = 1545$

Bài 3: (1,5 điểm) Một đội tình nguyện gồm có 28 bác sĩ và 42 y tá tham gia khám chữa bệnh miễn phí tại một vùng quê. Người phụ trách muốn chia đều số bác sĩ và y tá thành các tổ sao cho số bác sĩ và y tá ở mỗi tổ là như nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất thành bao nhiêu tổ? Khi đó mỗi tổ có bao nhiêu người?

Bài 4: (1,5 điểm) Cho biểu đồ tranh biểu diễn số ly trà sữa bán được các ngày trong tuần của cửa hàng A. Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và trả lời các câu hỏi sau (thực hiện lời giải và tính toán).

a) Vào ngày thứ sáu, cửa hàng bán được bao nhiêu ly trà sữa?

b) Ngày thứ mấy trong tuần cửa hàng bán được ít hàng nhất? Ngày đó, cửa hàng bán được bao nhiêu ly trà sữa?

c) Hôm thứ bảy bán nhiều hơn thứ năm bao nhiêu ly?

Biểu đồ tranh biểu diễn số ly trà sữa bán được các ngày trong tuần của cửa hàng A

Ngày	Số ly trà sữa bán được
Chủ nhật	
Thứ hai	
Thứ ba	
Thứ tư	
Thứ năm	
Thứ sáu	
Thứ bảy	



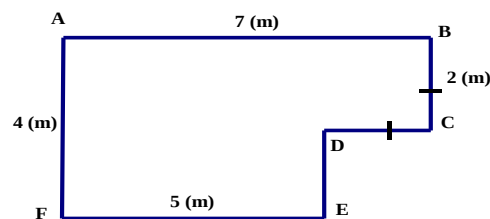
= 20 ly trà sữa

Bài 5: (1 điểm) Cho khu vườn có dạng hình bên.

a) Tính diện tích khu vườn.

b) Người ta muốn sử dụng các cây gỗ nhỏ để làm hàng rào. Biết cứ cách 50cm người ta lại cắm một cây gỗ và giá tiền một cây gỗ là 15000 đồng. Hỏi khi rào hết khu vườn người ta phải trả bao nhiêu tiền?

---HẾT---



UBND QUẬN TÂN PHÚ
TRƯỜNG THCS ĐÔNG KHỔ

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Năm học: 2022 – 2023

MÔN: TOÁN – LỚP: 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Phần 1: Mỗi câu đúng: 0,25đ

1	2	3	4	5	6	7	8	9		10	11	12
A	B	C	A	D	B	D	D	C		B	A	A

Phần 2:

	Điểm
Bài 1: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính.	
a) $288:16 + 14.15$	0,25
$= 18 + 210$	0,25
$= 228$	
b) $367 - 7[111 - (2^3 + 2)^2]$	
$= 367 - 7[111 - (8 + 2)^2]$	0,25
$= 367 - 7[111 - 10^2]$	0,25
$= 367 - 7.11$	0,25
$= 367 - 77 = 290$	0,25
Bài 2: (1,5 điểm) Tìm x, biết.	
a) $x + 35 = 45$	
$x = 45 - 35$	0,25
$x = 10$	0,25
b) $15(x - 16) = 1545$	

$x - 16 = 1545 : 15$	0,25
$x - 16 = 103$	0,25
$x = 103 + 16$	0,25
$x = 119$	0,25
Bài 3: (1,5 điểm)	
Gọi x (tổ) là số tổ chia được nhiều nhất	
Ta có: $x = \text{ƯCLN}(28; 42)$	0,25
$28 = 2^2.7$	0,25
$42 = 2.3.7$	0,25
$\text{ƯCLN}(28; 42) = 2.7 = 14$	0,25
$x = 14$ (nhóm)	
Vậy chia được nhiều nhất 14 nhóm	
Khi đó, mỗi tổ có: $(28 + 42) : 14 = 5$ (người)	0,5
Bài 4: (1,5 điểm)	
a) Vào ngày thứ sáu, cửa hàng bán được: $6.20 = 120$ ly	0,5
b) Ngày thứ tư cửa hàng bán được ít hàng nhất và bán được: $3.20 = 60$ (ly)	0,5
c) Thứ bảy bán nhiều hơn thứ năm: $(9 - 4).20 = 100$ (ly)	0,5
Bài 5: (1 điểm)	
a) Diện tích khu vườn: $4.5 + 2.2 = 24$ (m ²)	0,5
b) Chu vi khu vườn: $7 + 2 + 2 + 2 + 5 + 4 = 22$ (m) = 2200 (cm)	0,25
Số cây gỗ sử dụng: $2200 : 50 = 44$ (cây)	
Số tiền phải trả: $44. 15000 = 660000$ (đồng)	0,25

UBND QUẬN TÂN PHÚ
TRƯỜNG THCS ĐỒNG KHÔI

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HKI

Năm học: 2022 – 2023

MÔN: TOÁN – LỚP: 6

Thời gian: 90 phút

I. MỤC ĐÍCH CỦA ĐỀ KIỂM TRA

- Kiểm tra năng lực, chất lượng học tập môn học của học sinh.
- Kiểm tra kỹ năng làm bài và xử lý tình huống khi gặp các bài toán thực tế của học sinh.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

Đề kiểm tra (viết) có các hình thức sau:

1. Hình thức đề kiểm tra: tự luận và trắc nghiệm.
2. Cách tổ chức kiểm tra: cho học sinh làm bài kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trong 90 phút.

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Cấp độ Tên chủ đề (nội dung, chương...)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Cộng
Chủ đề 1 Các phép tính trên tập hợp số tự nhiên. Lũy thừa với số mũ tự nhiên		- Hiểu thứ tự thực hiện phép tính lũy thừa, cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên. .		
<i>Số câu: 2 câu</i> <i>Số điểm: 1,5 điểm</i> <i>Tỉ lệ: 15%</i>		<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm: 1,5 điểm</i>		<i>Số câu: 2</i> <i>1,5 điểm</i> <i>= 15%</i>
Chủ đề 2 Tìm ẩn số		Hiểu quy tắc tìm x.		
<i>Số câu: 2</i>		<i>Số câu: 2</i>		<i>Số câu: 2</i>

<i>Số điểm: 1,5 điểm Tỉ lệ: 15%</i>		<i>Số điểm: 1,5 điểm</i>		<i>1,5 điểm = 15 %</i>
Chủ đề 3: Ước. Bội. Ước chung, ước chung lớn nhất, bội chung, bội chung nhỏ nhất	- Biết cách tìm Ước, Bội của một số. - Biết tìm ƯCLN, BCNN của hai số.		Vận dụng kiến thức về ƯCLN, BCNN, BC vào giải các bài toán thực tế.	
<i>Số câu: 5 Số điểm: 2,25 điểm Tỉ lệ: 22,5 %</i>	<i>Số câu: 3 Số điểm: 0,75 điểm</i>		<i>Số câu: 2 Số điểm: 1,5 điểm</i>	<i>Số câu: 5 2,25 điểm = 22,5 %</i>
Chủ đề 5: Hình học + Các hình cơ bản: hình chữ nhật, hình vuông, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	- Biết cách tính diện tích của hình chữ nhật. - Biết tính chất của các hình cơ bản.		- Vận dụng tính chu vi các hình vào giải quyết bài toán thực tế.	
<i>Số câu: 3 Số điểm: 1,25 điểm Tỉ lệ: 12,5 %</i>	<i>Số câu: 2 Số điểm: 0,75 điểm</i>		<i>Số câu: 1 Số điểm: 0,5 điểm</i>	<i>Số câu: 3 1,25 điểm = 12,5 %</i>
Chủ đề 6: Xác suất – Thống kê - Biểu đồ tranh - Biểu đồ cột	- Biết quan sát biểu đồ cột để trả lời các hỏi.	- Hiểu ý nghĩa của biểu đồ tranh để trả lời các câu hỏi.		

- Bảng thông kê				
Số câu: 6 Số điểm: 2 điểm Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Số điểm: 0,5 điểm	Số câu: 4 Số điểm: 1,5 điểm		Số câu: 6 2 điểm = 20%
Chủ đề 7: Số nguyên - Tập hợp số nguyên - Thứ tự trong tập tập số nguyên	- Biết cấu tạo tập hợp số nguyên. - Biết so sánh hai số nguyên. - Biết sử dụng kí hiệu thuộc, không thuộc, $>$, $<$			
Số câu: 6 Số điểm: 1,5 điểm Tỉ lệ: 15%	Số câu: 6 Số điểm: 1,5 điểm			Số câu: 6 1,5 điểm = 15%
Tổng số câu: 24 Tổng số điểm: 10 Tỉ lệ: 100 %	Số câu: 13 Số điểm: 3,5 điểm = 32,5 %	Số câu: 8 Số điểm: 4,5 điểm = 47,5 %	Số câu: 3 Số điểm: 2 điểm = 20%	Số câu: 24 Số điểm: 10

-HẾT-

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

TRƯỜNG THCS ĐỒNG KHỞI

BẢNG ĐẶC TẢ CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG MÔN TOÁN LỚP 6

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng bậc cao
I.Số tự nhiên	1. Các phép tính trên tập hợp số tự nhiên	Nhận biết - Biết sử dụng máy tính để thực hiện các phép toán cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên. Thông hiểu - Hiểu được thứ tự thực hiện phép tính.		4		

		- Dựa vào quy tắc tìm x đã học để thực hiện bài tìm x 1 phép tính và 2 phép tính.				
	2. Ước và bội	Nhận biết - Tìm số là bội của một số cho trước - Viết tập hợp ước và bội của một số.	2			
	3. Ước chung lớn nhất, ước chung, bội chung nhỏ nhất, bội chung	Nhận biết - Nhận dạng được bài toán ƯCLN, BCNN, BC, ƯC - Biết sử dụng máy tính để tìm ƯCLN, BCNN của hai số. Thông hiểu - Trình bày được phân tích một số ra thừa số nguyên tố Vận dụng - Tính toán tìm ƯCLN, BCNN, BC, ƯC của 2 hay nhiều số - Áp dụng kiến thức về ƯCLN, BCNN, BC, ƯC để giải các bài toán thực tế	1		2	
II. Số nguyên	1. Tập hợp số nguyên	Nhận biết - Nhận dạng được số nguyên âm, số nguyên dương - Biết cách sử dụng kí hiệu thuộc và không thuộc - Nhận dạng được hai số đối nhau - Liệt kê được các bộ phận của tập hợp số nguyên	2			
	2. Thứ tự trên tập hợp số nguyên	Nhận biết - Biết sử dụng $>$, $<$ để so sánh hai số nguyên	4			
IV. Một số	1. Biểu đồ cột. Biểu đồ cột kép	Nhận biết	2			

yếu tố thống kê		- Nhận dạng được 2 loại biểu đồ - Nhận dạng các đại lượng có trong biểu đồ				
	2. Biểu đồ tranh	Nhận biết - Nhận dạng được biểu đồ tranh Thông hiểu - Trình bày được các câu hỏi liên quan đến biểu đồ tranh - So sánh giữa các đại lượng có trong biểu đồ		4		
V. Hình học phẳng		Nhận biết - Nhận dạng được các hình cơ bản. - Biết tính diện tích và chu vi các hình cơ bản. Thông hiểu - Hiểu tính chất của các hình cơ bản. Vận dụng - Vận dụng tính chu vi các hình vào giải quyết bài toán thực tế.	2			1